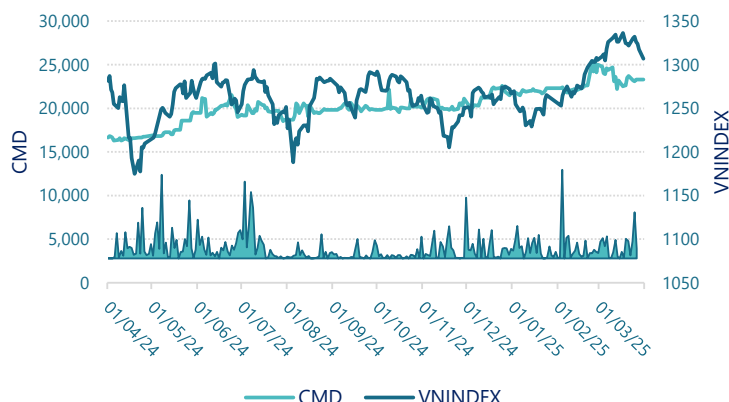


CTCP Vật liệu Xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM: CMD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	23,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,296
SL cổ phiếu LH	11,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,525
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	261
P/E	5.9
EPS	3,976

DT thuần

Q1/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▼70.0| -30.9%

YoY: ▼1.00| -0.4%

LN sau thuế

Q1/25

8.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.93| -25.7%

YoY: ▼0.72| -7.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2024

771

tỷ VNĐ

YoY: ▼189| -19.6%

LN sau thuế

2024

30.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.10| -9.4%

ROE

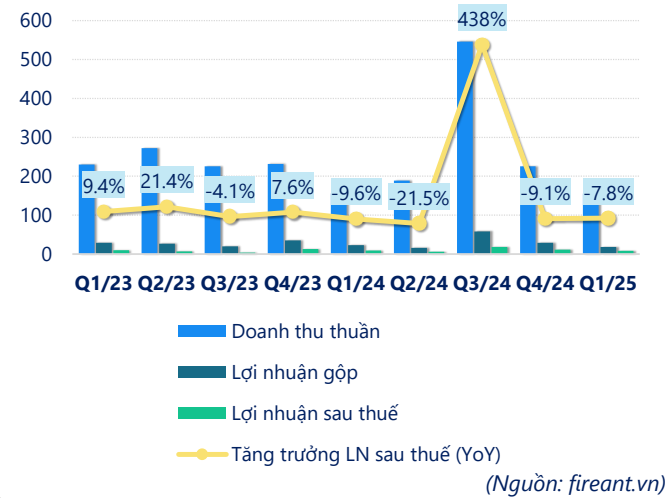
2024

12.7%

+/- YoY: ▼ 1.2%

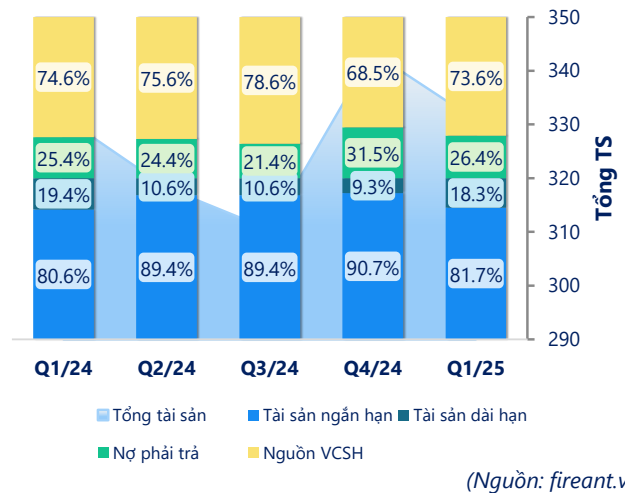
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

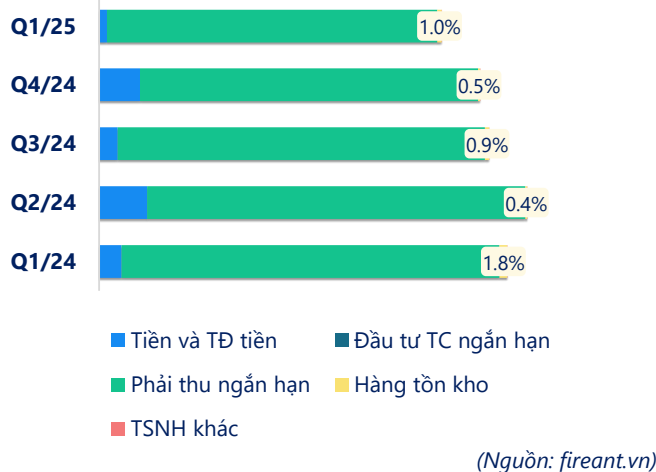


Cơ cấu Tổng tài sản

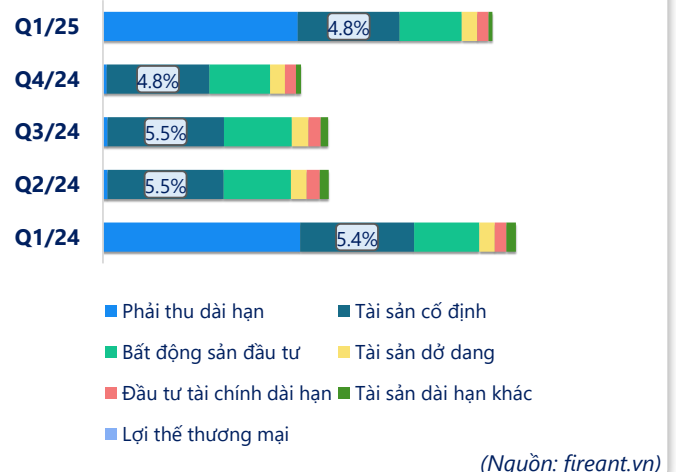
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

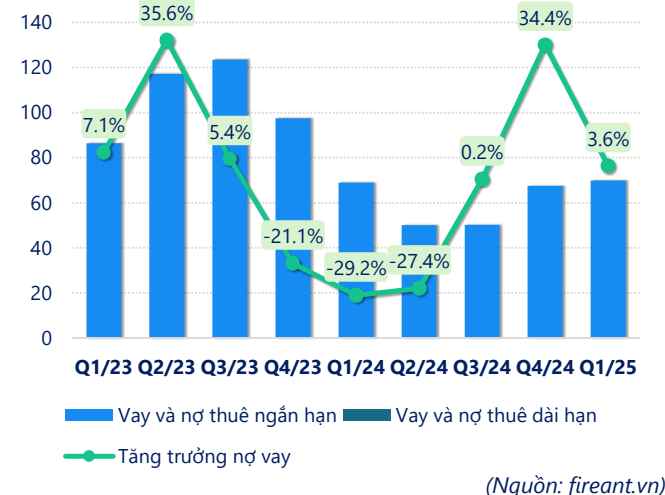


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



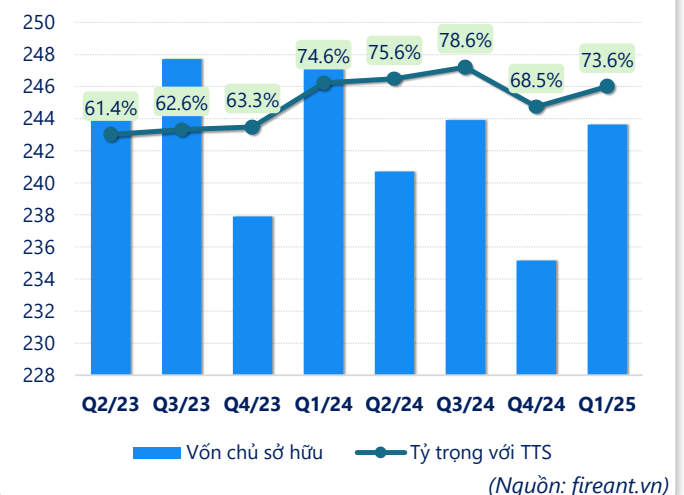
tỷ VNĐ

Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

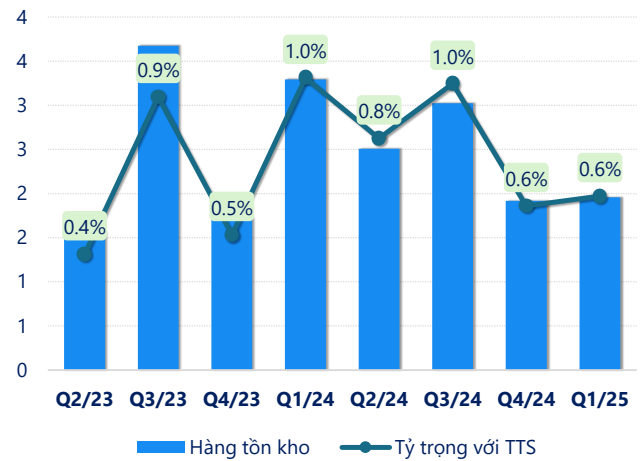
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

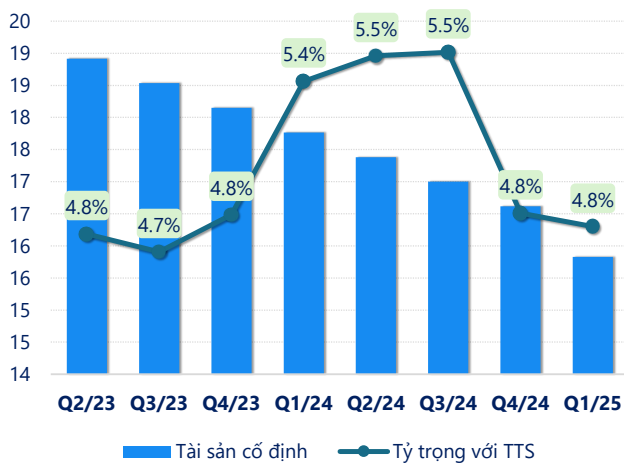
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

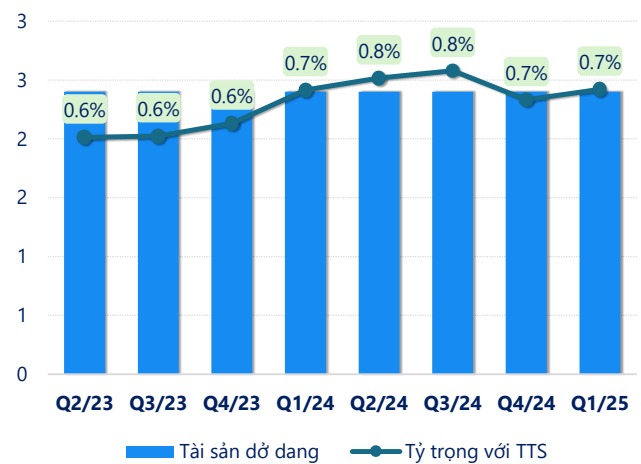
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

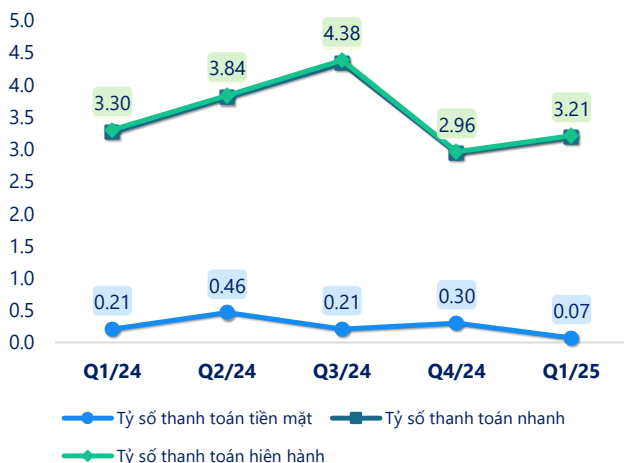
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



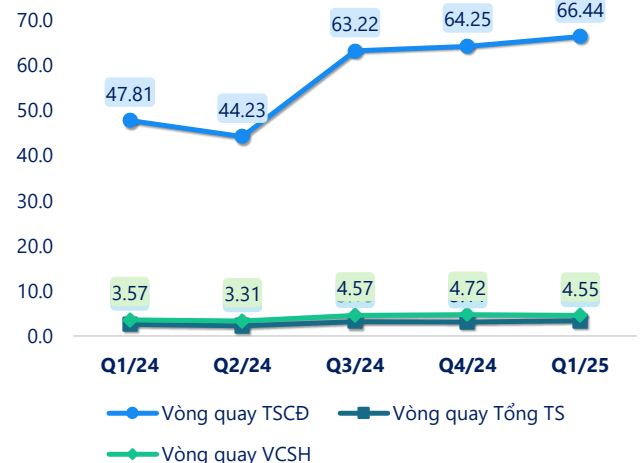
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	331	318	310	343	331
Tài sản ngắn hạn	267	284	278	311	270
Tiền và tương đương tiền	16.8	34.4	13.1	31.6	5.98
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	247	247	261	278	262
Hàng tồn kho	3.29	2.51	3.02	1.92	1.96
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	0.01	0.01	0.02
Tài sản dài hạn	64.3	33.8	32.9	32.0	60.5
Phải thu dài hạn	30.7	0.68	0.66	0.59	30.3
Tài sản cố định	17.8	17.4	17.0	16.6	15.8
Bất động sản đầu tư	10.2	10.0	9.91	9.79	9.66
Tài sản dở dang	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Đầu tư tài chính dài hạn	1.81	1.94	1.81	1.77	1.77
Tài sản dài hạn khác	1.46	1.34	1.08	0.84	0.59
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	84.3	77.5	66.5	108	87.2
Nợ ngắn hạn	80.9	74.1	63.3	105	84.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.0	50.1	50.2	67.4	69.9
Phải trả người bán ngắn hạn	0.02	0.82	0.82	6.20	5.06
Nợ dài hạn	3.39	3.39	3.14	3.14	3.05
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	247	241	244	235	244
Vốn chủ sở hữu	247	241	244	235	244
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)